

Số: /QĐ-UBND

Lê Lợi, ngày 28 tháng 11 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công khai danh mục thủ tục hành chính
thực hiện tại UBND xã Lê Lợi

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ LÊ LỢI

*Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của
Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày
14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các
Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ
sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục
hành chính;*

*Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của
Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ
tục hành chính;*

*Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 12 năm 2021 của Chính
phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23
tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên
thông trong giải quyết thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2020 của
Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của
Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát
thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của
Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy
định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính*

phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Theo đề nghị của Công chức Văn phòng – Thống kê xã.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công khai kèm theo quyết định này gồm 139 Danh mục thủ tục hành chính được thực hiện tại UBND xã Lê Lợi (*Danh mục TTHC ban hành kèm theo*).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Văn phòng HĐND-UBND xã, các tổ chức, các nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- UBND huyện;
- BTV Đảng ủy;
- Thường trực HĐND;
- Lãnh đạo UBND;
- Ủy ban MTTQ xã;
- Như Điều 3;
- Trang thông tin điện tử xã;
- Lưu: VP.

CHỦ TỊCH

Đoàn Duy Việt

DANH MỤC TTHC THỰC HIỆN TẠI UBND XÃ LÊ LỢI
(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày 28 tháng 11 năm 2023 của UBND xã Lê Lợi)

Số TT	Mã TTHC	Mức độ DVC	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Phí, lệ phí	Thời gian giải quyết theo quy định
1	1.004492.000.00.00.H23	Một phần	Thành lập nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập	Các cơ sở giáo dục khác	Không	25 ngày
2	DBX001	Một phần	Thủ tục cấp giấy phép sử dụng tạm thời phần hè phố để tổ chức đám cưới và điếm trông giữ xe phục vụ đám cưới	Đường bộ	Không	Ngay trong ngày
3	DBX002	Một phần	Thủ tục gia hạn giấy phép sử dụng tạm thời phần hè phố để tổ chức đám cưới và điếm trông giữ xe phục vụ đám cưới	Đường bộ	Không	Ngay trong ngày
4	1.004088.000.00.00.H23	Một phần	Thủ tục đăng ký phương tiện thủy nội địa lần đầu đối với phương tiện chưa khai thác	Đường thủy nội địa	70.000đ	03 ngày làm việc
5	1.005040.000.00.00.H23	Một phần	Xác nhận trình báo đường thủy nội địa hoặc trình báo đường thủy nội địa bổ sung	Đường thủy nội địa	Không	05 ngày làm việc
6	2.002226.000.00.00.H23	Một phần	Thông báo thành lập tổ hợp tác	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác	Không	Ngay tại thời điểm nhận hồ sơ
7	2.002227.000.00.00.H23	Một phần	Thông báo thay đổi tổ hợp tác	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác	Không	Ngay tại thời điểm nhận hồ sơ
8	2.002228.000.00.00.H23	Một phần	Thông báo chấm dứt hoạt động của tổ hợp tác	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác	Không	Ngay tại thời điểm nhận hồ sơ

Số TT	Mã TTHC	Mức độ DVC	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Phí, lệ phí	Thời gian giải quyết theo quy định
9	1.011606.H23	Toàn trình	Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo; hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo định kỳ hằng năm	Bảo trợ xã hội	Không	Chưa quy định cụ thể
10	2.000355.000.00.00.H23	Toàn trình	Đăng ký hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội dưới 10 đối tượng có hoàn cảnh khó khăn	Bảo trợ xã hội	Không	10 ngày làm việc
11	2.000751	Một phần	Trợ giúp xã hội khẩn cấp về hỗ trợ làm nhà ở, sửa chữa nhà ở	Bảo trợ xã hội	Không	02 ngày làm việc
12	1.004941.000.00.00.H23	Cung cấp thông tin trực tuyến	Đăng ký nhận chăm sóc thay thế cho trẻ em đối với cá nhân, người đại diện gia đình nhận chăm sóc thay thế không phải là người thân thích của trẻ em	Trẻ em	Không	15 ngày làm việc
13	1.004944.000.00.00.H23	Cung cấp thông tin trực tuyến	Chấm dứt việc chăm sóc thay thế cho trẻ em	Trẻ em	Không	05 ngày làm việc
14	1.004946.000.00.00.H23	Cung cấp thông tin trực tuyến	Áp dụng các biện pháp can thiệp khẩn cấp hoặc tạm thời cách ly trẻ em khỏi môi trường hoặc người gây tổn hại cho trẻ em	Trẻ em	Không	12 giờ sau khi nhận được TT
15	2.001942.000.00.00.H23	Cung cấp thông tin trực tuyến	Chuyển trẻ em đang được chăm sóc thay thế tại cơ sở trợ giúp xã hội đến cá nhân, gia đình nhận chăm sóc thay thế	Trẻ em	Không	25 ngày làm việc
16	2.001944.000.00.00.H23	Cung cấp thông tin trực tuyến	Thông báo nhận chăm sóc thay thế cho trẻ em đối với cá nhân, người đại diện gia đình nhận chăm sóc thay thế là người thân thích của trẻ em	Trẻ em	Không	15 ngày làm việc
17	2.001947.000.00.00.H23	Cung cấp thông tin TT	Phê duyệt kế hoạch hỗ trợ, can thiệp đối với trẻ em bị xâm hại hoặc có nguy cơ bị bạo lực, bóc lột, bỏ rơi và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt	Trẻ em	Không	07 ngày làm việc

Số TT	Mã TTHC	Mức độ DVC	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Phí, lệ phí	Thời gian giải quyết theo quy định
18	1.010833.000.00.00.H23	Cung cấp thông tin trực tuyến	Cấp giấy xác nhận thân nhân của người có công	Người có công	Không	05 ngày làm việc
19	1.000132.000.00.00.H23	Toàn trình	Thủ tục Quyết định quản lý cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình	Phòng, chống tệ nạn xã hội	Không	03 ngày làm việc
20	1.010941.000.00.00.H23	Cung cấp thông tin trực tuyến	Đăng ký cai nghiện ma túy tự nguyện	Phòng, chống tệ nạn xã hội	Không	03 ngày làm việc
21	1.000775.000.00.00.H23	Toàn trình	Thủ tục tặng giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã về thực hiện nhiệm vụ chính trị	Thi đua - khen thưởng	Không	20 ngày làm việc
22	2.000509.000.00.00.H23	Toàn trình	Thủ tục đăng ký hoạt động tín ngưỡng	Tôn giáo Chính phủ	Không	15 ngày làm việc
23	2.002161.000.00.00.H23	Một phần	Hỗ trợ khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai	Phòng, chống thiên tai	Không	15 ngày làm việc
24	2.002162.000.00.00.H23	Một phần	Hỗ trợ khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do dịch bệnh	Phòng, chống thiên tai	Không	15 ngày làm việc
25	2.002163.000.00.00.H23	Một phần	Đăng ký kê khai số lượng chăn nuôi tập trung và nuôi trồng thủy sản ban đầu	Phòng, chống thiên tai	Không	07 ngày làm việc
26	1.010091.000.00.00.H23	Cung cấp thông tin trực tuyến	Hỗ trợ khám chữa bệnh, trợ cấp tai nạn cho lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã trong trường hợp chưa tham gia bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội.	Phòng, chống thiên tai	Không	10 ngày làm việc khi h/s đầy đủ
27	1.010092.000.00.00.H23	Cung cấp	Trợ cấp tiền tuất, tai nạn (đối với trường hợp tai nạn suy giảm khả năng	Phòng, chống	Không	10 ngày làm

Số TT	Mã TTHC	Mức độ DVC	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Phí, lệ phí	Thời gian giải quyết theo quy định
		thông tin trực tuyến	lao động từ 5% trở lên) cho lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã chưa tham gia bảo hiểm xã hội	thiên tai		việc khi h/s đầy đủ
28	1.003440.000.00.00.H23	Một phần	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã.	Thủy lợi	Không	20 ngày làm việc
29	1.008004.000.00.00.H23	Toàn trình	Thủ tục Chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa	Trồng trọt	Không	5 ngày làm việc
30	1.003596.000.00.00.H23	Toàn trình	Phê duyệt kế hoạch khuyến nông địa phương	Nông nghiệp	Không	60 ngày làm việc
31	1.008603.000.00.00.H23	Một phần	Kê khai, thẩm định tờ khai bảo vệ môi trường đối với nước thải	Chính sách Thuế	Không	Chưa quy định cụ thể
32	1.005412.000.00.00.H23	Một phần	Phê duyệt đối tượng được hỗ trợ phí bảo hiểm nông nghiệp	Bảo hiểm	Không	45 ngày làm việc
33	1.003554.000.00.00.H23	Toàn trình	Hòa giải tranh chấp đất đai	Đất đai	Không	45 ngày làm việc
34	1.010736.000.00.00.H23	Cung cấp thông tin trực tuyến	Tham vấn trong đánh giá tác động môi trường	Môi trường	Không	15 ngày làm việc
35	2.002165.000.00.00.H23	Một phần	Thủ tục giải quyết yêu cầu bồi thường tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại	Bồi thường nhà nước	Không	02 ngày làm việc
36	2.000908.000.00.00.H23	Toàn trình	Thủ tục cấp bản sao từ sổ gốc	Chứng thực	Quy định riêng	Trong ngày làm việc

Số TT	Mã TTHC	Mức độ DVC	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Phí, lệ phí	Thời gian giải quyết theo quy định
37	1.001193.000.00.00.H23	Một phần	Thủ tục đăng ký khai sinh	Hộ tịch	8000đ/bản sao TL; 5000đ/không đúng hạn (Hồ sơ trực tiếp; 2500đ nộp hồ sơ trực tuyến)	Trong ngày
38	2.002516.000.00.00.H23.	Một phần	Xác nhận thông tin hộ tịch	Hộ tịch	8000đ	03 ngày làm việc
39	HTX001	Cung cấp thông tin trực tuyến	Thủ tục liên thông đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú	Hộ tịch	Không	06 ngày làm việc
40	HTX002	Cung cấp thông tin trực tuyến	Thủ tục liên thông Đăng ký khai tử - Hưởng chế độ tử tuất (trợ cấp tuất và trợ cấp mai táng)	Hộ tịch	8000đ/bản sao TL; 5000đ/không đúng hạn	20 ngày làm việc
41	HTX003	Cung cấp thông tin trực tuyến	Liên thông thủ tục Đăng ký khai tử, hưởng mai táng phí đối với đối tượng có công với cách mạng tử trận	Hộ tịch	8000đ/bản sao TL; 5000đ/không đúng hạn	33 ngày làm việc
42	HTX004	Cung cấp thông tin trực tuyến	Liên thông thủ tục Đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, hưởng mai táng phí đối với đối tượng thực hiện theo Nghị định số 150/2006/NĐ-CP ngày 12 tháng 12 năm 2006 hướng dẫn thi hành một số điều của Pháp lệnh Cựu chiến binh	Hộ tịch	8000đ/bản sao TL; 5000đ/không đúng hạn	30 ngày làm việc

Số TT	Mã TTHC	Mức độ DVC	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Phí, lệ phí	Thời gian giải quyết theo quy định
43	HTX005	Cung cấp thông tin trực tuyến	Liên thông thủ tục Đăng ký khai tử, hưởng mai táng phí đối với đối tượng hưởng trợ cấp theo Quyết định số 49/2015/QĐ-TTg ngày 14 tháng 10 năm 2015 về một số chế độ, chính sách đối với dân công hỏa tuyến tham gia kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ, chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế	Hộ tịch	8000đ/bản sao TL; 5000đ/không đúng hạn	34 ngày làm việc
44	HTX006	Cung cấp thông tin trực tuyến	Liên thông thủ tục Đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, hưởng mai táng phí đối với đối tượng hưởng trợ cấp theo Quyết định số 49/2015/QĐ-TTg ngày 14 tháng 10 năm 2015 về một số chế độ, chính sách đối với dân công hỏa tuyến tham gia kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ, chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế	Hộ tịch	8000đ/bản sao TL; 5000đ/không đúng hạn	34 ngày làm việc
45	HTX007	Cung cấp thông tin trực tuyến	Liên thông thủ tục Đăng ký khai tử, hưởng mai táng phí đối với đối tượng hưởng trợ cấp theo Quyết định số 62/2011/QĐ-TTg ngày 09 tháng 11 năm 2011 về chế độ, chính sách đối với đối tượng tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, làm nhiệm vụ quốc tế ở Cam-pu-chia, giúp bạn Lào sau ngày 30 tháng 4 năm 1975 đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc	Hộ tịch	8000đ/bản sao TL; 5000đ/không đúng hạn	34 ngày làm việc
46	HTX008	Cung cấp thông tin trực tuyến	Liên thông thủ tục Đăng ký khai tử, hưởng mai táng phí đối với đối tượng thân nhân liệt sĩ đang hưởng trợ cấp hàng tháng; người trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước nhưng chưa được hưởng chính sách của Đảng, Nhà nước theo Quyết định số 290/2005/QĐ-TTg ngày 08 tháng 11 năm 2005, Quyết định số 188/2007/QĐ-TTg ngày 06 tháng 12 năm 2007	Hộ tịch	8000đ/bản sao TL; 5000đ/không đúng hạn	48 ngày làm việc
47	HTX009	Cung cấp thông tin trực tuyến	Liên thông thủ tục Đăng ký khai tử, hỗ trợ chi phí mai táng cho đối tượng bảo trợ xã hội (được trợ giúp xã hội thường xuyên tại cộng đồng)	Hộ tịch	8000đ/bản sao TL; 5000đ/không đúng hạn	10 ngày làm việc
48	HTX010	Cung cấp	Liên thông thủ tục Đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, hưởng	Hộ tịch	8000đ/bản	34 ngày làm

Số TT	Mã TTHC	Mức độ DVC	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Phí, lệ phí	Thời gian giải quyết theo quy định
		thông tin trực tuyến	mai táng phí đối với đối tượng hưởng trợ cấp theo Quyết định số 62/2011/QĐ-TTg ngày 09 tháng 11 năm 2011 về chế độ, chính sách đối với đối tượng tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, làm nhiệm vụ quốc tế ở Cam-pu-chia, giúp bạn Lào sau ngày 30 tháng 4 năm 1975 đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc		sao TL; 5000đ/không đúng hạn	việc
49	HTX011	Cung cấp thông tin trực tuyến	Liên thông thủ tục Đăng ký khai tử, hưởng mai táng phí đối với đối tượng thực hiện theo Nghị định số 150/2006/NĐ-CP ngày 12 tháng 12 năm 2006 hướng dẫn thi hành một số điều của Pháp lệnh Cựu chiến binh	Hộ tịch	8000đ/bản sao TL; 5000đ/không đúng hạn	30 ngày làm việc
50	HTX012	Cung cấp thông tin trực tuyến	Liên thông thủ tục Đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, hưởng mai táng phí đối với đối tượng thân nhân liệt sĩ đang hưởng trợ cấp hàng tháng; người trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước nhưng chưa được hưởng chính sách của Đảng, Nhà nước theo Quyết định số 290/2005/QĐ-TTg ngày 08 tháng 11 năm 2005, Quyết định số 188/2007/QĐ-TTg ngày 06 tháng 12 năm 2007	Hộ tịch	8000đ/bản sao TL; 5000đ/không đúng hạn	48 ngày làm việc
51	HTX013	Cung cấp thông tin trực tuyến	Liên thông thủ tục Đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, hỗ trợ chi phí mai táng cho đối tượng bảo trợ xã hội (được trợ giúp xã hội thường xuyên tại cộng đồng)	Hộ tịch	8000đ/bản sao TL; 5000đ/không đúng hạn	10 ngày làm việc
52	HTX014	Cung cấp thông tin trực tuyến	Thủ tục liên thông Đăng ký khai tử - Xóa đăng ký thường trú - Hưởng mai táng phí (đối với đối tượng người có công với cách mạng từ trần)	Hộ tịch	8000đ/bản sao TL; 5000đ/không đúng hạn	33 ngày làm việc
53	HTX015	Cung cấp thông tin trực tuyến	Thủ tục liên thông Đăng ký khai tử - Xóa đăng ký thường trú - Hưởng chế độ tử tuất (trợ cấp tuất và trợ cấp mai táng)	Hộ tịch	8000đ/bản sao TL; 5000đ/không đúng hạn	20 ngày làm việc

Số TT	Mã TTHC	Mức độ DVC	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Phí, lệ phí	Thời gian giải quyết theo quy định
54	2.001263.000.00.00.H23	Một phần	Thủ tục đăng ký nuôi con nuôi trong nước	Nuôi con nuôi	400000đ	30 ngày làm việc
55	2.001457.000.00.00.H23	Toàn trình	Thủ tục công nhận Tuyên truyền viên pháp luật	Phổ biến giáo dục pháp luật	Không	05 ngày làm việc
56	2.000794.000.00.00.H23	Toàn trình	Thủ tục công nhận câu lạc bộ thể thao cơ sở	Thể dục thể thao	Không	07 ngày làm việc
57	1.002192.000.00.00.H23	Một phần	Thủ tục cấp giấy chứng sinh đối với trường hợp trẻ được sinh ra ngoài cơ sở khám bệnh, chữa bệnh nhưng được cán bộ y tế hoặc cô đỡ thôn bản đỡ	Dân số - Sức khỏe sinh sản	Không	03 ngày làm việc
58	2.001088.000.00.00.H23	Cung cấp thông tin trực tuyến	Thủ tục xét hưởng chính sách hỗ trợ cho đối tượng sinh con đúng chính sách dân số	Dân số - Sức khỏe sinh sản	Không	10 ngày làm việc
59	2.002400.000.00.00.H23	Toàn trình	Thủ tục kê khai tài sản, thu nhập	Phòng, chống tham nhũng	Không	
60	2.002409.000.00.00.H23	Một phần	Thủ tục giải quyết khiếu nại lần đầu tại cấp xã	Giải quyết khiếu nại	Không	30 ngày làm việc
61	1.010945.000.00.00.H23	Toàn trình	Thủ tục Tiếp công dân tại cấp xã	Tiếp công dân	Không	10 ngày làm việc
62	2.002501.000.00.00.H23	Toàn trình	Thủ tục Xử lý đơn tại cấp xã	Xử lý đơn thư	Không	10 ngày làm việc
63	1.004485.000.00.00.H23	Một phần	Thủ tục sáp nhập, chia, tách nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập	Các cơ sở giáo dục khác	Không	25 ngày làm việc

Số TT	Mã TTHC	Mức độ DVC	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Phí, lệ phí	Thời gian giải quyết theo quy định
64	1.004047.000.00.00.H23	Một phần	Đăng ký lần đầu đối với phương tiện đang khai thác trên đường thủy nội địa	Đường thủy nội địa	70.000đ	03 ngày làm việc
65	1.011607.H23	Toàn trình	Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo thường xuyên hằng năm	Bảo trợ xã hội	Không	15 ngày làm việc
66	2.000346.000.00.00.H23	Toàn trình	Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã về thành tích thi đua theo đợt hoặc chuyên đề	Thi đua - khen thưởng	Không	20 ngày làm việc
67	1.001028.000.00.00.H23	Toàn trình	Thủ tục đăng ký bổ sung hoạt động tín ngưỡng	Tôn giáo Chính phủ	Không	15 ngày làm việc
68	1.003446.000.00.00.H23	Một phần	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập trong quá trình thi công thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã	Thủy lợi	Không	20 ngày làm việc
69	2.000815.000.00.00.H23	Một phần	Thủ tục chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam cấp hoặc chứng nhận	Chứng thực	2.000 đồng/trang; từ trang thứ 3 trở lên thu 1.000 đồng/trang, tối đa thu không quá 200.000 đồng/bản	Trong ngày UBND cấp xã tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ.
70	1.000894.000.00.00.H23	Toàn trình	Thủ tục đăng ký kết hôn	Hộ tịch	8000đ/TLBS nếu có	Trong ngày làm việc
71	2.001255.000.00.00.H23	Toàn trình	Thủ tục đăng ký lại việc nuôi con nuôi trong nước	Nuôi con nuôi	Không	05 ngày làm

Số TT	Mã TTHC	Mức độ DVC	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Phí, lệ phí	Thời gian giải quyết theo quy định
						việc
72	2.001449.000.00.00.H23	Toàn trình	Thủ tục cho thôi làm Tuyên truyền viên pháp luật	Phổ biến giáo dục pháp luật	Không	03 ngày làm việc
73	1.008901.000.00.00.H23	Một phần	Thủ tục thông báo thành lập thư viện đối với thư viện cộng đồng	Thư viện	Không	15 ngày làm việc
74	1.003622.000.00.00.H23	Toàn trình	Thủ tục thông báo tổ chức lễ hội cấp xã	Văn hóa	Không	15 ngày làm việc
75	2.002396.000.00.00.H23	Toàn trình	Thủ tục Giải quyết tố cáo tại cấp xã	Giải quyết tố cáo	Không	Theo điều 21 Luật Tố cáo
76	2.001810.000.00.00.H23	Một phần	Thủ tục giải thể nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập (theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập).	Các cơ sở giáo dục khác	Không	Không quy định
77	1.004036.000.00.00.H23	Một phần	Thủ tục đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển từ cơ quan đăng ký khác sang cơ quan đăng ký phương tiện thủy nội địa	Đường thủy nội địa	70.000đ	03 ngày làm việc
78	1.001653.000.00.00.H23	Toàn trình	Thủ tục Đổi, cấp lại Giấy xác nhận khuyết tật	Bảo trợ xã hội	Không	05 ngày làm việc
79	1.011608.H23	Toàn trình	Công nhận hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo thường xuyên hằng năm	Bảo trợ xã hội	Không	15 ngày làm việc
80	2.000337.000.00.00.H23	Toàn trình	Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã về thành tích đột xuất	Thi đua - khen thưởng	Không	20 ngày làm việc

Số TT	Mã TTHC	Mức độ DVC	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Phí, lệ phí	Thời gian giải quyết theo quy định
81	1.001055.000.00.00.H23	Một phần	Thủ tục đăng ký sinh hoạt tôn giáo tập trung.	Tôn giáo Chính phủ	Không	20 ngày làm việc
82	2.001621.000.00.00.H23	Một phần	Nhận hỗ trợ đầu tư xây dựng phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước (Đối với nguồn vốn hỗ trợ trực tiếp, ngân sách địa phương và nguồn vốn hợp pháp khác của địa phương phân bổ dự toán cho UBND cấp xã thực hiện)	Thủy lợi	Không	7 ngày làm việc
83	2.000884.000.00.00.H23	Một phần	Thủ tục chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)	Chứng thực	10.000đ	Trong ngày làm việc, ...
84	1.001022.000.00.00.H23	Một phần	Thủ tục đăng ký nhận cha, mẹ, con	Hộ tịch	8000đ/TLBS; 10.000 đồng/lần (đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp); 5.000 đồng/lần (đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến).	Thời hạn giải quyết là 03 ngày làm việc; trường hợp cần phải xác minh thì thời hạn được kéo dài thêm không quá 05 ngày làm việc.
85	2.000930.000.00.00.H23	Toàn trình	Thủ tục thôi làm hòa giải viên	Phổ biến giáo dục pháp luật	Không	05 ngày làm việc
86	1.008902.000.00.00.H23	Toàn trình	Thủ tục thông báo sáp nhập, hợp nhất, chia, tách thư viện đối với thư viện cộng đồng	Thư viện	Không	15 ngày làm việc

Số TT	Mã TTHC	Mức độ DVC	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Phí, lệ phí	Thời gian giải quyết theo quy định
87	1.000954.000.00.00.H23	Toàn trình	Thủ tục xét tặng danh hiệu Gia đình văn hóa hàng năm	Văn hóa	Không	05 ngày làm việc
88	2.002401.000.00.00.H23	Một phần	Thủ tục Xác minh tài sản, thu nhập	Phòng, chống tham nhũng	Không	115 ngày làm việc
89	1.004443.000.00.00.H23	Một phần	Thủ tục cho phép nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập hoạt động giáo dục trở lại	Các cơ sở giáo dục khác	Không	25 ngày làm việc
90	1.011609.H23	Toàn trình	Công nhận hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình	Bảo trợ xã hội	Không	15 ngày làm việc
91	1.000748.000.00.00.H23	Toàn trình	Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã cho gia đình	Thi đua - khen thưởng	Không	20 ngày làm việc
92	1.001078.000.00.00.H23	Toàn trình	Thủ tục thông báo danh mục hoạt động tôn giáo đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở một xã	Tôn giáo Chính phủ	Không	
93	2.001035.000.00.00.H23	Một phần	Thủ tục chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản, quyền sử dụng đất và nhà ở	Chứng thực	50.000đ	02 ngày làm việc
94	1.000689.000.00.00.H23	Một phần	Thủ tục đăng ký khai sinh kết hợp nhận cha, mẹ, con	Hộ tịch	8000đ/TLBS	03 ngày làm việc
95	2.002080.000.00.00.H23	Toàn trình	Thủ tục thanh toán thù lao cho hòa giải viên	Phổ biến giáo dục pháp luật	Không	08 ngày làm việc
96	1.008903.000.00.00.H23	Một phần	Thủ tục thông báo chấm dứt hoạt động thư viện cộng đồng	Thư viện	Không	15 ngày làm việc

Số TT	Mã TTHC	Mức độ DVC	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Phí, lệ phí	Thời gian giải quyết theo quy định
97	1.001120.000.00.00.H23	Toàn trình	Thủ tục xét tặng Giấy khen Gia đình văn hóa	Văn hóa	Không	05 ngày làm việc
98	2.002402.000.00.00.H23	Một phần	Thủ tục Tiếp nhận yêu cầu giải trình	Phòng, chống tham nhũng	Không	05 ngày làm việc
99	KLLNX004	Một phần	Thủ tục Phê duyệt hồ sơ, cấp phép khai thác gỗ rừng trồng tập trung bằng vốn ngân sách, vốn viện trợ không hoàn lại.	Kiểm lâm, Lâm nghiệp.	Không	10 ngày làm việc
100	1.004441.000.00.00.H23	Một phần	Thủ tục cho phép cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục tiểu học	Các cơ sở giáo dục khác	Không	20 ngày làm việc
101	1.004002.000.00.00.H23	Một phần	Thủ tục đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện nhưng không thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện	Đường thủy nội địa	70.000đ	03 ngày làm việc
102	2.000305.000.00.00.H23	Toàn trình	Thủ tục xét tặng danh hiệu Lao động tiên tiến	Thi đua - khen thưởng	Không	10 ngày làm việc
103	1.001085.000.00.00.H23	Toàn trình	Thủ tục thông báo danh mục hoạt động tôn giáo bổ sung đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở một xã	Tôn giáo Chính phủ	Không	
104	1.004082.000.00.00.H23	Toàn trình	Xác nhận Hợp đồng tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích	Môi trường	Không	03 ngày làm việc
105	2.001019.000.00.00.H23	Một phần	Thủ tục chứng thực di chúc	Chứng thực	50.000đ	02 ngày làm việc
106	1.000656.000.00.00.H23	Một phần	Thủ tục đăng ký khai tử	Hộ tịch	8000đ/BSTL; 5000đ/hồ sơ trực tiếp; 2500đ/hồ sơ	Ngay trong ngày làm việc

Số TT	Mã TTHC	Mức độ DVC	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Phí, lệ phí	Thời gian giải quyết theo quy định
					trực tuyến	
107	2.000333.000.00.00.H23	Một phần	Thủ tục công nhận tổ trưởng tổ hòa giải	Phổ biến giáo dục pháp luật	Không	03 ngày làm việc
108	2.002403.000.00.00.H23	Một phần	Thủ tục Thực hiện việc giải trình	Phòng, chống tham nhũng	Không	15 ngày làm việc
109	1.003970.000.00.00.H23	Một phần	Thủ tục Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện đồng thời thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện	Đường thủy nội địa	70.000đ	03 ngày làm việc
110	1.001090.000.00.00.H23	Một phần	Thủ tục đăng ký thay đổi người đại diện của nhóm sinh hoạt tôn giáo tập trung	Tôn giáo Chính phủ	Không	15 ngày làm việc
111	2.001016.000.00.00.H23	Một phần	Thủ tục chứng thực văn bản từ chối nhận di sản	Chứng thực	50.000đ	02 ngày làm việc
112	1.003583.000.00.00.H23	Một phần	Thủ tục đăng ký khai sinh lưu động	Hộ tịch	5000đ (quá hạn)	05 ngày làm việc
113	2.000373.000.00.00.H23	Toàn trình	Thủ tục công nhận hòa giải viên	Phổ biến giáo dục pháp luật	Không	03 ngày làm việc
114	1.006391.000.00.00H23	Một phần	Thủ tục Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chủ phương tiện thay đổi trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của chủ phương tiện sang đơn vị hành chính cấp tỉnh khác.	Đường thủy nội địa	70.000đ	03 ngày làm việc
115	1.001699.000.00.00.H23	Toàn trình	Thủ tục xác định, xác định lại mức độ khuyết tật và cấp Giấy xác nhận khuyết tật	Bảo trợ xã hội	Không	25 ngày làm việc

Số TT	Mã TTHC	Mức độ DVC	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Phí, lệ phí	Thời gian giải quyết theo quy định
116	1.001098.000.00.00.H23	Toàn trình	Thủ tục đề nghị thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung trong địa bàn một xã	Tôn giáo Chính phủ	Không	15 ngày làm việc
117	2.001406.000.00.00.H23	Một phần	Thủ tục chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	Chứng thực	50.000đ	02 ngày làm việc
118	1.000593.000.00.00.H23	Toàn trình	Thủ tục đăng ký kết hôn lưu động	Hộ tịch	Không	05 ngày làm việc
119	1.003930.000.00.00.H23	Một phần	Thủ tục Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện	Đường thủy nội địa	70.000đ	03 ngày làm việc
120	1.001109.000.00.00.H23	Toàn trình	Đề nghị thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung đến địa bàn xã khác	Tôn giáo Chính phủ	Không	20 ngày làm việc
121	2.001009.000.00.00.H23	Toàn trình	Thủ tục chứng thực văn bản khai nhận di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	Chứng thực	50.000đ	02 ngày làm việc
122	1.000419.000.00.00.H23	Một phần	Thủ tục đăng ký khai tử lưu động	Hộ tịch	5000đ	05 ngày làm việc
123	2.001659.000.00.00.H23	Một phần	Xóa giấy chứng nhận đăng ký phương tiện	Đường thủy nội địa	Không	03 ngày làm việc
124	1.001156.000.00.00.H23	Toàn trình	Thủ tục thông báo về việc thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung	Tôn giáo Chính phủ	Không	Ngay sau nhận được thông báo
125	2.000913.000.00.00.H23	Một phần	Thủ tục chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch	Chứng thực	30.000đ	Ngay trong ngày

Số TT	Mã TTHC	Mức độ DVC	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Phí, lệ phí	Thời gian giải quyết theo quy định
126	1.004837.000.00.00.H23	Toàn trình	Thủ tục đăng ký giám hộ	Hộ tịch	8000đ/bản sao	03 ngày làm việc
127	1.001167.000.00.00.H23	Toàn trình	Thủ tục thông báo tổ chức quyên góp trong địa bàn một xã của cơ sở tín ngưỡng,tổ chức tôn giáo,tổ chức tôn giáo trực thuộc	Tôn giáo Chính phủ	Không	Sau khi có thông báo
128	2.000927.000.00.00.H23	Một phần	Thủ tục sửa lỗi sai sót trong hợp đồng, giao dịch	Chứng thực	25.000đ	Trong ngày
129	1.004845.000.00.00.H23	Toàn trình	Thủ tục đăng ký chấm dứt giám hộ	Hộ tịch	8000đ/bản sao	02 ngày làm việc
130	2.000942.000.00.00.H23	Toàn trình	Thủ tục cấp bản sao có chứng thực từ bản chính hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực	Chứng thực	2.000 đồng/trang; từ trang thứ 3 trở lên thu 1.000 đồng/trang, tối đa thu không quá 200.000 đồng/bản	Trong ngày
131	1.004859.000.00.00.H23	Một phần	Thủ tục thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch	Hộ tịch	8000đ/bản sao; 10000đ/hồ sơ trực tiếp; 5000đ/hồ sơ trực tuyến	03 ngày làm việc
132	1.004873.000.00.00.H23	Một phần	Thủ tục cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân	Hộ tịch	10000đ/hồ sơ trực tiếp;	03 ngày làm việc

Số TT	Mã TTHC	Mức độ DVC	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Phí, lệ phí	Thời gian giải quyết theo quy định
					5000đ/hồ sơ trực tuyến	
133	1.004884.000.00.00.H23	Một phần	Thủ tục đăng ký lại khai sinh	Hộ tịch	8000đ/bản sao; 5000đ/hồ sơ trực tiếp; 2500đ/hồ sơ trực tuyến	05 ngày làm việc
134	1.004772.000.00.00.H23	Một phần	Thủ tục đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	Hộ tịch	8000đ/bản sao; 5000đ/hồ sơ trực tiếp; 2500đ/hồ sơ trực tuyến	05 ngày làm việc
135	1.004746.000.00.00.H23	Một phần	Thủ tục đăng ký lại kết hôn	Hộ tịch	25000đ/hồ sơ trực tiếp; 12500đ/hồ sơ trực tuyến	05 ngày làm việc
136	1.005461.000.00.00.H23	Một phần	Thủ tục đăng ký lại khai tử	Hộ tịch	5000đ/hồ sơ trực tiếp; 2500đ/hồ sơ trực tuyến	05 ngày làm việc
137	2.000635.000.00.00.H23.	Toàn trình	Thủ tục cấp bản sao trích lục hộ tịch	Hộ tịch	8000đ/bản sao	Ngay trong ngày
138	2.000986.000.00.00.H23	Một phần	Liên thông thủ tục hành chính về đăng ký khai sinh, đăng ký thường	Hộ tịch	5000đ/khai	20 ngày làm

Số TT	Mã TTHC	Mức độ DVC	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Phí, lệ phí	Thời gian giải quyết theo quy định
			trú, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi		sinh; 7000đ/đăng ký thường trú	việc
139	2.001023.000.00.00.H23	Một phần	Liên thông các thủ tục hành chính về đăng ký khai sinh, cấp Thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi	Hộ tịch	5000đ	15 ngày làm việc